Exercise 1: Read and complete (Đọc và điền từ vào chỗ trống)

eight ***your*** ***Nice*** ***Fine*** ***are***

A: Hello. I'm Ben. What is .....name?

B: Hi, Ben. My name is Lucy.

A: .....to meet you, Lucy. How are you?

B: ..... Thank you.

A: How old .....you?

B: I am .....years old

Exercise 2: Reorder the words (Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh)

Example:

are / How / you /?/ -> ***How are you?***

1. is / What / name / your /?/ _____
2. name / is / My / Ben /./ _____
3. This / Mai / is /./ _____
4. that / Is / Mary /?/ _____
5. am / years old / I / six /./ _____
6. is / This / friend / my /./ _____

LIVEWORKSHEETS